TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 27-8-2020
V/v: "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chế Linh
Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc "*tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ:thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Luật sư Lê Hoàng Nh - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh Kh, sinh năm 1984.

Địa chỉ:quận N Kiều, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Văn D, sinh năm 1956. Có mặt.
- Bà Trương Thị R, sinh năm 1959. Xin xét xử vắng mặt.

Cùng cư trú: thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, người liên quan: Luật sư Nguyễn Thanh C – Công ty luật TNHHMTV Bình An - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4**.** Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2008, bà H và ông Bùi Thanh Kh quen biết nhau và tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang. Năm 2010, có một con chung tên Bùi Hữu A, sinh ngày 06/3/2010. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tạo lập được các tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Cần Thơ và Sóc Trăng.

Bản thân không am hiểu pháp luật và bận lo cho gia đình, chăm sóc con nên toàn bộ thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất do ông Kh làm; sau này được biết chỉ có một mình ông Kh đứng tên chủ sử dụng các tài sản chung của vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa được, nên bà và ông Kh đã ly hôn nhau (theo Quyết định số 59/2016/QĐST-HNGĐ 11/7/2016 của TAND thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự). Trong đó, giao con cho ông nuôi dưỡng đến trưởng thành nhưng chưa yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung chưa chia.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc:

1/ Ông Kh cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành;

2/ Chia tài sản chung, gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 277.5 m^2 (đất ở đô thị), thửa 68, tờ bản đồ số 42 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE730767 do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 12/10/2011 đứng tên Bùi Thanh Kh;

+ Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (nhà ở và các tài sản khác) tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Vào ngày 02/10/2016, bà H có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia: Quyền sử dụng đất tại lô Ơ – SL-03-02 đường D1, thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 189 m^2 (9m x 21m), loại đất thổ cư – theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số

48/HĐCNQSDĐ.PVCL do Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí Cửu Long (đại diện là ông Nguyễn Triệu Dg) và anh Bùi Thanh Kh ký ngày 03/6/2010.

Ngày 13/5/2019, nguyên đơn có đơn rút lại phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Bùi Thanh Kh phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn phản tố, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Thanh Kh trình bày:

Tháng 10/2008, ông đăng ký kết hôn cùng bà Phạm Thị Ngọc Hân và có một con chung tên Bùi Hữu A, sinh ngày 06/3/2010.

Về nghề nghiệp, ông là cán bộ nhà nước, H làm nội trợ. Kinh tế gia đình phụ thuộc chính vào tiền lương của ông (mức lương năm 2008 khoảng 4.500.000 đồng/tháng). Được sự hỗ trợ của gia đình, vợ chồng có thuê người giúp việc nhà và chăm sóc con với mức lương 2.500.000 đồng/tháng.

Năm 2011, cha ông là ông Bùi Văn D và mẹ bà Trương Thị R đã mua đất trị giá 1,9 tỉ đồng và đầu tư xây dựng nhà tại số 410X/5 đường B4, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với mục đích dưỡng già và chuyển lên Cần Thơ sống; do điều kiện đi lại khó khăn và thủ tục pháp lý phức tạp nên cha mẹ ông đã giao cho ông làm giấy tờ mua đất.

Thấy điều kiện vợ chồng ông không có nhà ở ổn định, nên cha mẹ ông đã tạm cho ông đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 410X/5 đường B4, KDC 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và vợ chồng ông tạm thời ở đây.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn (theo Quyết định số 59/2016/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang). Về con chung, thống nhất giao cho vợ nuôi và không cấp dưỡng; về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết (thực chất giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, thu nhập chính lo cho gia đình phụ thuộc vào tiền lương hàng tháng của ông). Sau khi ly hôn, ông và bà H không còn ở tại nhà số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều và đã trả lại nhà đất này cho cha mẹ ông quản lý, sử dụng. Bản thân ông hiện đang tạm trú tại nơi làm việc.

Tháng 8/2016, ông nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều về việc Phạm Thị Ngọc H yêu cầu chia tài sản là căn nhà và đất tại số 410X/5 đường B4, KDC 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và sau đó Ngọc H yêu cầu chia thêm phần đất diện tích 189 m^2 lô Ơ - SL-03-02 đường D1 - thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc

Trăng, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay ông yêu cầu phản tố như sau:

1/ Sau khi ly hôn và giao con cho Phạm Thị Ngọc H nuôi là không đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của con, vì Ngọc H không có nghề nghiệp nên thu nhập không ổn định. Trong khi ông có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dạy con tốt, vì vậy ông yêu cầu được nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng;

2/ Yêu cầu Tòa án bác đơn của Phạm Thị Ngọc H về yêu cầu chia căn nhà và đất tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và phần đất diện tích 189 m^2 tại lô Ơ-SL-03-02 đường D1 - thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bởi vì, giữa ông và Ngọc H mới cưới nhau chưa được bao lâu nên không có đủ số tiền lớn để mua đất, cất nhà. Nguồn gốc tài sản trên là của cha mẹ ông mua.

Ngày 03/8/2018, ông Kh có đơn rút lại phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn. Bởi vì, hiện nay giữa ông và bà H đã thống nhất giao con cho ông nuôi và ông không yêu cầu cấp dưỡng (hai bên đã thực hiện xong).

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 20/5/2019, ông Bùi Văn D, bà Trương Thị R trình bày:

Con ông bà là Bùi Thanh Kh kết hôn với Phạm Thị Ngọc H vào tháng 10/2008 đến ngày 06/3/2010 thì sinh con; cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn không hạnh phúc và đã ly hôn vào ngày 11/7/2016. Như vậy, kể từ khi Ngọc H về làm dâu cuộc sống vợ chồng H – Kh đều lệ thuộc tất cả vào ông bà. Kh lãnh lương hàng tháng chỉ được khoảng 2.990.000 đồng, H ôm con mọn và không nghề nghiệp. Thử hỏi làm gì có thu nhập để mua đất cất nhà, trong thời gian ngắn ngủi đó.

Tuy nhiên, vì thương con trong thời kỳ hôn nhân, ông bà cũng đã cho cho vợ chồng H – Kh căn nhà và đất tại số 152A1 – KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nhà 01 trệt 02 lầu, diện tích ngang 4,5m, dài 20m) để ổn định cuộc sống nhưng lúc khó khăn nên H – Kh đã bán căn nhà này vào ngày 08/01/2016 với giá 2.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ngọc H có đứng tên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cấp năm 2011, với tổng diện tích là 14.039,4 m^2. Phần tài sản này cũng có trong thời kỳ hôn nhân, giữa H và Kh nhưng Kh không đặt vấn đề chia tài sản này.

Ông bà khẳng định, phần tài sản mà Ngọc H yêu cầu chia do chính ông bà mua và để con trai đứng tên không liên quan gì đến con dâu Ngọc H.

Với diễn biến như trên, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án công nhận nhà và đất tại số 410X/5, đường B4, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và lô đất tại KDC 5A, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu của ông bà.

Ngày 30/10/2019, ông Bùi Văn D, bà Trương Thị R có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập.

Tại Bản án số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã Quyết định:

Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản nhà, đất và các tài sản trên đất *(tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)*; tách phần đất diện tích 189 m^2 *(tại lô Ơ –SL-03-02 đường D1, thuộc Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)* ra không giải quyết, khi nào xác định ai là người đứng tên chủ quyền tài sản thì sẽ giải quyết sau (nếu đương sự có yêu cầu);

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn;

Đình chỉ yêu cầu độc của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D, bà R;

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con;

Đình chỉ yêu cầu của bị đơn về nuôi con sau khi ly hôn.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn phải nộp 112.053.500 đồng.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 9.000.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Cần Thơ) – theo Biên lai thu số 002661 ngày 02/8/2016) và 6.800.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Sóc Trăng) - theo Biên lai thu số 003253 ngày 23/12/2016). Tổng cộng là 15.800.000 đồng, lẽ ra phải trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng nhưng số tiền trên được trừ vào án phí.

Nguyên đơn còn phải nộp số tiền án phí là 96.253.500 đồng.

Về tạm ứng án phí:

Bị đơn đã nộp 200.000 đồng (Biên lai thu số 002833 ngày 21/9/2016), sẽ được nhận lại số tiền này.

Ông D, bà R được nhận lại 10.000.000 đồng (Biên lai thu số 008036 ngày 31/5/2019).

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Áp dụng Điều 158, 161, 162, 163, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chịu các chi phí thẩm định, định giá tổng cộng là 34.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy đinh của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2019, bà H kháng cáo cho rằng quyết định của cấp sơ thẩm không có cơ sở, không phù hợp các quy định của pháp luật, bởi các lý do: Tài sản tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bà H chứng minh nguồn tiền đóng góp tạo lập các tài sản này nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, bà H có yêu cầu chia đất tại Sóc Trăng, đã nộp tạm ứng án phí, chi phí định giá, nhưng cấp sơ thẩm lại tách ra không giải quyết là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chia đôi giá trị tài sản tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất tài sản tại Cần Thơ là 12.000.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, tài sản nhà đất tại Cần Thơ và Sóc Trăng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn cũng đã chuyển trả tiền cho bị đơn để trả nợ cho ông D. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng tài sản tại Cần Thơ do ông Bùi Văn D là cha của ông Kh tạo lập, ông D đã chứng minh được việc trả tiền mua đất, cất nhà; do đó đề nghị không chấp nhận kháng của của nguyên đơn. Đối với phần đất tại Sóc Trăng do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu người tham gia tố tụng đề nghị hủy.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hân nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm được chứng cứ chứng minh tài sản tại Cần Thơ là của vợ chồng nguyên đơn. Ông Bùi Văn D là cha của ông Kh đã chứng minh được việc mua đất, trả tiền mua đất, cất nhà; do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu chia đất tại Cần Thơ. Đối với phần đất tại Sóc Trăng, cấp sơ thẩm tách ra không giải quyết là vi phạm tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu người tham

gia tố tụng đề nghị hủy. Về án phí, cấp sơ thẩm tính chưa đúng theo Nghị quyết 326, đề nghị sửa phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thụ lý giải quyết phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu định giá lại, vì cho rằng giá đất định giá từ tháng 11/2019 đến nay đã hơn 6 tháng nên có sự dao động và có sự thay đổi về bảng giá đất của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ từ ngày 01/01/2020. Theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự thì *việc định giá lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự*. Nguyên đơn yêu cầu định giá lại nhưng cũng không biết giá thị trường hiện nay là bao nhiêu, không cung cấp được chứng cứ chứng minh giá đất hiện nay không còn phù hợp nữa. Ngoài ra, nguyên đơn với bị đơn có quyền thỏa thuận lựa chon tổ chức thẩm định giá tiến hành định giá và cung cấp kết quả cho tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được giá trị tài sản nhà, đất tại Cần Thơ nên không cần thiết phải định giá lại theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

Ông Bùi Thanh Kh và bà Phạm Thị Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 11/7/2016, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định thuận tình ly hôn số 59/2016/QĐST-HNGĐ về việc Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Thanh Kh và bà Phạm Thị Ngọc H. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1] Ngày 21/7/2016, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn, bao gồm:

1. Quyền sử dụng thửa đất 68, diện tích thực tế 244,8m^2, tờ bản đồ số 42, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, có giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 09/11/2019 là 8.107.000.000 đồng

Về nhà: Theo biên bản đo đạc định giá ngày 22/6/2017, thì tài sản có giá trị:

- Nhà chính: giá trị là 672.282.000 đồng;

- Nhà bếp: giá trị là 25.569.799 đồng ;

- Nhà trọ: giá trị là 605.205.100 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: ***1.303.056.899 đồng.***

Về nguồn gốc nhà đất, theo bà H là do vợ chồng mượn tiền của ông Bùi Văn D là cha chồng để mua, nhưng do không am hiểu nên để cho ông Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, bà H và ông Kh thống nhất giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 12.000.000.000 đồng, bà H yêu cầu chia đôi.

[2.2] Đến ngày 02/10/2016, bà H kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung gồm:

2. Quyền sử dụng diện tích 189 m^2 *(tại lô Ơ –SL-03-02 đường D1, thuộc Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng),* có giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 14/11/2018 là 927.187.884 đồng.

Về nguồn gốc diện tích 189m^2 đất, theo bà H là do vợ chồng mua của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí Cửu Long, việc mua bán hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 48/HĐCN.PVCL.10 ngày 03/6/2010, do ông Bùi Thanh Kh đại diện chị H ký hợp đồng chuyển nhượng. Vợ chồng bà đã trả đủ tiền cho Công ty nhưng cho đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] ***Về tài sản tại phần*** [2.1] (gọi tắt tài sản tại Cần Thơ)***:***

Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất 68 có nguồn gốc là của vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Minh chuyển nhượng cho ông Bùi Thanh Kh vào ngày 17/9/2011. Ông Bùi Thanh Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04811 ngày 12/10/2011 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp, thửa đất 68, diện tích 277,5m^2, loại đất OĐT.

Theo bà H, thửa đất số 68 do vợ chồng bà mượn tiền của ông Bùi Văn Dg là cha chồng để mua; còn ông D cho rằng thửa đất 68 là do ông mua nhưng để cho con trai là Bùi Thanh Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H không có căn cứ gì chứng minh việc vợ chồng mượn tiền của ông D để mua đất, trong khi ông D và ông Kh không thừa nhận.

Ông D chứng minh được việc nhận chuyển nhượng đất bằng lời thừa nhận của chủ đất là ông Nguyễn Hoàng Minh, ông Minh xác nhận có nhận tiền của ông D 1.900.000.000 đồng vào ngày 04/11/2011.

Đối với tài sản trên đất, bao gồm: nhà chính, nhà bếp và nhà trọ, được xây cất vào năm 2014. Theo xác nhận của ông Cao Trường X- Giám đốc Công ty TNHH T là do ông Bùi Văn D thuê Công ty thiết kế và xây dựng, tiền công là do ông D, ông Kh trả cho công ty và là người đứng ra mua, cung cấp vật tư cho công ty thi công. Bà H cho rằng được gia đình hai bên cho tiền và mượn tiền để mua đất, cất nhà, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, ông D cũng không thừa nhận.

Xét thấy, từ năm 2010 đến năm 2016, ông Kh, bà H có đứng tên 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

Ông Kh và bà H cùng đứng tên 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CH 001239 ngày 28/5/2010, chỉnh lý ngày 29/12/2015, thửa đất số 132, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m^2, tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 76,5m^2, diện tích sàn 239,10m^2, nhà kiên cố (nhà này được ông D cho).

Ông Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04811 ngày 12/10/2011 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp, thửa đất 68, diện tích 277,5m^2, loại đất OĐT.

Bà H đứng tên 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00958 ngày 06/7/2011, thửa đất 589, diện tích 300m^2 đất OĐT; số CH01139 ngày 28/10/2011, thửa đất số 643, diện tích 12.396m^2 đất L; số CH 00959 ngày 06//2011, thửa đất 605, diện tích 1.343m^2 đất CLN (do UBND thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cấp).

Theo qui định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000:

"*1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung.*

Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận.

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất.

2. Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên của cả vợ chồng.

3. Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó là tài sản chung."

Tại Điều 32 quy định:

"*1. Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng.*

Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 của Luật này; đồ dùng, tư trang cá nhân.

2. Vợ, chồng có quyền nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung."

Như vậy, ông Kh và H có sự phân định tài sản chung, riêng rõ ràng và cá nhân đều đứng tên riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Kh chứng minh được việc ông đứng tên cá nhân quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nguồn tiền riêng của cha mẹ ông, do đó không có căn cứ để xác định quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại Cần Thơ là tài sản chung của ông Kh và bà H theo như yêu cầu của bà H. Do đó, bà Hân kháng cáo yêu cầu xác định tài sản chung và chia là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] ***Về tài sản tại phần*** [2.3] (gọi tắt là tài sản tại Sóc Trăng)***:***

Trong vụ án ly hôn, đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, tài sản chung có thể bao gồm tiền, vật, quyền tài sản; đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết toàn bộ tài sản chung hoặc một phần tài sản chung, còn một phần tài sản chung họ cũng có quyền yêu cầu chưa giải quyết hoặc tách ra giải quyết trong vụ án khác.

Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đây là một giao dịch của vợ chồng về tài sản. Nếu có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án sau khi ly hôn (hoặc vợ, hoặc chồng, hoặc người tham gia giao dịch) thì Tòa án phải giải quyết và việc giải quyết thì như các hợp đồng chuyển nhượng khác.

Cấp sơ thẩm đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện này, đương sự cũng đã nộp tạm ứng án phí, cấp sơ thẩm cũng tiến hành thẩm định, định giá tài sản nhưng lại tách ra không giải quyết, khi nào xác định ai là người đứng tên chủ quyền tài sản thì sẽ giải quyết sau (nếu đương sự có yêu cầu), là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, quá trình thụ lý, giải quyết đối với yêu cầu này cũng không đưa Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí Cửu Long là người chuyển nhượng đất cho ông Kh tham gia tố tụng với tư

cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết yêu cầu này của đương sự, không thu thập chứng cứ về việc xác định chủ quyền đất chuyển nhượng, cũng vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự. Do đó cần phải hủy phần này, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung. Khi giải quyết lại, đương sự có quyền thu thập chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.5] Đối với việc bà H cho rằng vào năm 2014 bà có chuyển tiền cho ông Kh 2.000.000.000 đồng để trả tiền mua đất, tiền cất nhà. Hội đồng xét xử, nhận thấy:

Theo thừa nhận của các đương sự, vợ chồng Kh, H sau khi kết hôn, ông Bùi Văn D có cho vợ chồng H, Kh 01 căn nhà và đất tại khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, vợ chồng H, Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CH 001239 ngày 28/5/2010, chỉnh lý ngày 29/12/2015, thửa đất số 132, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m^2, tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 76,5m^2, diện tích sàn 239,10m^2, nhà kiên cố. Đối với căn nhà này thì vợ chồng H, Kh đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kiều Phương và ông Nguyễn Hoàng Tuấn với giá 2.200.000.000 đồng vào ngày 08/01/2016.

Theo hồ sơ thể hiện: Ngày 14/4/2014, ông Kh và bà H có thế chấp nhà đất tại phần [2.1] để vay tiền tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam –Chi nhánh thị xã Ngã Bảy với số tiền 2.081.250.000 đồng, đăng ký thế chấp ngày 25/4/2014, đến ngày 02/6/2016 thì xóa thế chấp.

Từ 16/4/2014 đến 24/6/2014, bà H có chuyển cho ông Kh 04 lần tiền, tổng 2.000.000.000 đồng. Bà H cho rằng, số tiền này chuyển cho ông Kh để trả tiền mua đất, cất nhà tại Cần Thơ; ông Kh cho rằng số tiền này vợ chồng chuyển qua, chuyển lại để làm ăn. Như phần [2.3], phần tài sản này không liên quan đến việc mua đất, cất nhà tại Cần Thơ nên nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[3] Đối với việc ông Kh yêu cầu phản tố không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là sự phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải là yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá:

- Cấp sơ thẩm định giá tài sản phần đất tại Cần Thơ ba lần hết: 25.000.000 đồng, nguyên đơn đã tạm nộp trước để thanh toán, nay yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí này.

- Cấp sơ thẩm định giá tài sản phần đất tại Sóc Trăng hết: 9.000.000 đồng nguyên đơn đã tạm nộp trước để thanh toán. Do tài sản tranh chấp chưa được giải quyết nên chưa ai phải chịu.

[5] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

Tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 Quy định về chế độ án phí Tòa án có quy định: *…Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch*. Như vậy, bà H yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại thửa 68 nhưng đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm buộc bà H chịu án phí có giá ngạch là chưa phù hợp, cần sửa lại cho phù hợp.

Đối với số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng bà H đã nộp khởi kiện bổ sung theo biên lai thu tiền số 003235 ngày 23/12/2016, do yêu cầu này bị cấp phúc thẩm hủy, nên chưa ai phải chịu và sẽ được cấp sơ thẩm giải quyết khi giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị hủy một phần nên bà H không phải chịu.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành gồm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Phạm Thị Ngọc H

Hủy một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Ngọc H về yêu cầu chia giá trị nhà, đất tại thửa số 68, tờ bản đồ số 42, tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ:thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh Kh, sinh năm 1984.

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn D, sinh năm 1956 và Bà Trương Thị R, sinh năm 1959.

Cùng cư trú: thị xã Ng, tỉnh Hậu Giang.

Phần hủy là phần tuyên"*Tách phần đất diện tích 189m^2 (tại lô Ơ-SL-03-2 đường D1, thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) ra không giải quyết, khi nào xác định ai là người đứng tên chủ quyền tài sản thì sẽ giải quyết sau (nếu đương sự có yêu cầu)*" của phần Quyết định Bản án, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để tiếp tục giải quyết vụ án.

3. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá:

Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 25.000.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tại thửa đất số 68; công nhận đã nộp và chi xong.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng định giá tài sản tại thửa đất Sóc Trăng, chưa ai phải chịu.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Bà H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 9.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002661 ngày 02/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; bà H được nhận lại 8.700.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 003253 ngày 23/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều sẽ được cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Bà H không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002178 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành gồm: Phần đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D, bà Trương Thị R. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu của bị đơn về nuôi con sau khi ly hôn; ông D, bà R được nhận lại 10.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008036 ngày 31/5/2019; bị đơn nhận lại 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002833 ngày 21/9/2016.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND-TPCT
- TAND Q.Ninh Kiều
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều
- VP, Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quyến

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Hân trình bày: Vào năm 2008, chị và anh Bùi Thanh Khiết quen biết nhau và tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Năm 2010, có một con chung tên Bùi Hữu An, sinh ngày 06/3/2010. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tạo lập được các tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Cần Thơ và Sóc Trăng.

Bản thân không am hiểu pháp luật và bận lo cho gia đình, chăm sóc con nên toàn bộ thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất do anh Khiết làm; sau này được biết chỉ có một mình anh Khiết đứng tên chủ sử dụng các tài sản chung của vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa được, nên chị và anh Khiết đã ly hôn nhau (theo Quyết định số 59/2016/QĐST-HNGĐ 11/7/2016 của TAND thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự). Trong đó, giao con cho chị nuôi dưỡng đến trưởng thành nhưng chưa yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung chưa chia.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc:

1/ Anh Khiết cấp dưỡng nuôi cháu An mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành;

2/ Chia tài sản chung, gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Diện tích 277.5 m^2 (đất ở đô thị), thửa 68, tờ bản đồ số 42 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE730767 do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 12/10/2011 đứng tên Bùi Thanh Khiết;

+ Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (nhà ở và các tài sản khác) tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Vào ngày 02/10/2016, chị Hân có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia: Quyền sử dụng đất tại lô Ơ – SL-03-02 đường D1, thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 189 m^2 (9m x 21m), loại đất thổ cư – theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 48/HĐCNQSDĐ.PVCL do Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí Cửu Long (đại diện là ông Nguyễn Triệu Dỏng) và anh Bùi Thanh Khiết ký ngày 03/6/2010.

Ngày 13/5/2019, nguyên đơn có đơn rút lại phần yêu cầu khởi kiện buộc anh Bùi Thanh Khiết phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn phản tố, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Thanh Khiết trình bày:

Tháng 10/2008, anh đăng ký kết hôn cùng chị Phạm Thị Ngọc Hân và có một con chung tên Bùi Hữu An, sinh ngày 06/3/2010.

Về nghề nghiệp, anh là cán bộ nhà nước, chị Hân làm nội trợ. Kinh tế gia đình phụ thuộc chính vào tiền lương của anh (mức lương năm 2008 khoảng 4.500.000 đồng/tháng). Được sự hỗ trợ của gia đình, anh chị có thuê người giúp việc nhà và chăm sóc con với mức lương 2.500.000 đồng/tháng.

Năm 2011, cha anh ông Bùi Văn Dũng và mẹ bà Trương Thị Ri đã mua đất trị giá 1,9 tỉ đồng và đầu tư xây dựng nhà tại số 410X/5 đường B4, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với mục đích dưỡng già và chuyển lên Cần Thơ sống; do điều kiện đi lại khó khăn và thủ tục pháp lý phức tạp nên cha mẹ anh đã giao cho anh làm giấy tờ mua đất.

Thấy điều kiện vợ chồng anh không có nhà ở ổn định, nên cha mẹ anh đã tạm cho anh đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 410X/5 đường B4, KDC 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và vợ chồng anh tạm thời ở đây.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn (theo Quyết định số 59/2016/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang).

Về con chung, thống nhất giao cho vợ nuôi và không cấp dưỡng; về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết (thực chất giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, thu nhập chính lo cho gia đình phụ thuộc vào tiền lương hàng tháng của anh). Sau khi ly hôn, anh và chị Hân không còn ở tại nhà số 410X/5 Đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều và đã trả lại nhà đất này cho cha mẹ anh quản lý, sử dụng. Bản thân anh hiện đang tạm trú tại nơi làm việc.

Tháng 8/2016, anh nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều về việc Phạm Thị Ngọc Hân yêu cầu chia tài sản là căn nhà và đất tại số 410X/5 Đường B4, KDC 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và sau đó Ngọc Hân yêu cầu chia thêm phần đất diện tích 189 m^2 lô Ơ - SL-03-02 đường D1 - thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư

khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay anh yêu cầu phản tố như sau:

1/ Sau khi ly hôn và giao con cho Phạm Thị Ngọc Hân nuôi là không đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của con, vì Ngọc Hân không có nghề nghiệp nên thu nhập không ổn định. Trong khi anh có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dạy con tốt, vì vậy anh yêu cầu được nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng;

2/ Yêu cầu Tòa án bác đơn của Phạm Thị Ngọc Hân về yêu cầu chia căn nhà và đất tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và phần đất diện tích 189 m^2 tại lô Ơ-SL-03-02 đường D1 - thuộc dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bởi vì, giữa anh và Ngọc Hân mới cưới nhau chưa được bao lâu nên không có đủ số tiền lớn để mua đất, cất nhà. Nguồn gốc tài sản trên là của cha mẹ anh mua.

Ngày 03/8/2018, anh Khiết có đơn rút lại phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu nuôi con sau khi nuôi con.

Hiện nay giữa anh và chị Hân đã thống nhất giao con cho anh nuôi và anh không yêu cầu cấp dưỡng (hai bên đã thực hiện xong).

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 20/5/2019, ông Bùi Văn Dũng, bà Trương Thị Ri trình bày:

Con ông bà là Bùi Thanh Khiết kết hôn với Phạm Thị Ngọc Hân vào tháng 10/2008 đến ngày 06/3/2010 thì sinh con; cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn không hạnh phúc và đã ly hôn vào ngày 11/7/2016. Như vậy, kể từ khi Ngọc Hân về làm dâu cuộc sống vợ chồng Hân – Khiết đều lệ thuộc tất cả vào ông bà. Khiết lãnh lương hàng tháng chỉ được khoảng 2.990.000 đồng, Hân ôm con mọn và không nghề nghiệp. Thử hỏi làm gì có thu nhập để mua đất cất nhà, trong thời gian ngắn ngủi đó.

Tuy nhiên, vì thương con trong thời kỳ hôn nhân, ông bà cũng đã cho cho vợ chồng Hân – Khiết căn nhà và đất tại số 152A1 – KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nhà 01 trệt 02 lầu, diện tích ngang 4,5m, dài 20m) để ổn định cuộc sống nhưng lúc khó khăn nên hân – Khiết đã bán căn nhà này vào ngày 08/01/2016 với giá 2.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ngọc Hân có đứng tên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cấp năm 2011, với tổng diện tích là

14.039,4 m^2. Phần tài sản này cũng có trong thời kỳ hôn nhân, giữa Hân và Khiết nhưng Khiết không đặt vấn đề chia tài sản này.

Ông bà khẳng định, phần tài sản mà Ngọc Hân yêu cầu chia do chính ông bà mua và để con trai đứng tên không liên quan gì đến con dâu Ngọc Hân.

Với diễn biến như trên, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án công nhận nhà và đất tại số 410X/5, đường B4, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và lô đất tại KDC 5A, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu của ông bà.

Ngày 30/10/2019, ông Bùi Văn Dũng, bà Trương Thị Ri có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa: Phía nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản đối với nhà, đất và các tài sản trên đất tại số 410X/5, đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và 189 m^2 đất tại thành phố Sóc Trăng.

Bởi các lẽ: Anh Khiết là người đứng tên tài sản nhưng không có giấy tờ gì chứng minh là của cha mẹ nhờ đứng tên dùm; từ ngày mua đất cất nhà anh Khiết và chị Hân cùng ký thế chấp tài sản vay tiền của Công ty Tây Nam; khi cất nhà xong anh Khiết và chị Hân bán căn nhà số 152A1 – khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và vào năm 2014 chị Hân đã chuyển cho anh Khiết 02 tỉ đồng để trả ông Dũng xây nhà; ông Dũng không xuất trình được giấy tờ gì nhờ anh Khiết đứng tên dùm tài sản và cũng không quản lý nhà đất tại Cần Thơ; phần đất ở Sóc Trăng, ông Dũng cũng không có giấy tờ gì thể hiện là bỏ tiền ra mua.

Đồng thời, phía nguyên đơn còn cho rằng Luật hôn nhân và gia đình không có quy định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân phải đứng tên chung cả hai vợ chồng, như Luật sư của bị đơn trình bày. Giá trị tài sản phải căn cứ vào kết quả định giá theo giá thị trường của Công ty Hoàng Quân để chia. Từ đó, đề nghị được chia ½ giá trị tài sản và đề nghị bác đơn phản tố của bị đơn.

Ý kiến của Luật sư bên bị đơn: Về nguồn gốc tài sản tại Cần Thơ, trong hồ sơ thể hiện tại Biên nhận giao tiền giữa ông Dũng và ông Minh, ông Minh có xác nhận tài sản trên do ông Dũng bỏ tiền ra mua. Theo quy định, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đều có quyền có tài sản riêng và tài sản chung, nhưng nguyên đơn không có gì chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng. Tài sản

chung của vợ chồng là bất động sản thì bắt buộc phải đứng tên chung của cả hai vợ chồng, việc này được hướng dẫn tại Điều 12 Nghị định 136/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ. Ở đây nhà đất chỉ do một mình anh Khiết đứng tên, do đó nguyên đơn cho rằng đây là tài sản chung và yêu cầu chia là không đúng.

Đối với phần đất ở Sóc Trăng, cho đến nay chưa có giấy tờ xác lập quyền sử dụng là của ai, anh Khiết chỉ mới đứng tên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên nguyên đơn yêu cầu chia là không phù hợp.

Anh Khiết thống nhất với ý kiến của Luật sư, giữ yêu cầu phản tố bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản.

Ông Dũng cũng nhất trí theo ý kiến của Luật sư và anh Khiết, đề nghị bác yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn. Trình bày thêm, vợ chồng ông khi cưới dâu đã có cho Hân – Khiết nhà đất riêng, còn nhà đất tại số 410X là nhờ Khiết đứng tên dùm, Khiết là con nên không nhất thiết phải làm giấy tờ. Khi chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân phải xem xét công sức đóng góp như thế nào cho hợp lý thì mới chia, còn đây là tài sản của vợ chồng ông bà mà yêu cầu chia là không thể chấp nhận. Về số tiền 2 tỉ đồng mà nguyên đơn đưa ra là không liên quan gì đến các tài sản tranh chấp, kể cả việc xây dựng nhà. Ông xây nhà vào năm 2011, còn các gấy tờ chuyển tiền mà nguyên đơn cung cấp là vào thời điểm năm 2014. Nên không ý nghĩa (giá trị) gì về mặt chứng cứ để đòi chia tài sản (Nguyên đơn chuyển cho Khiết ông cũng không nhận hay nghe Khiết nói về số tiền trên).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về nội dung: Đối với phần đất tại Cần Thơ, theo Biên nhận giao tiền và xác nhận của ông Minh và ông Tuấn thì ông Dũng là người bỏ tiền ra mua đất xây nhà, còn anh Khiết chỉ là người đứng tên dùm. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, thì tài sản chung của vợ chồng phải do hai người đứng tên, chỉ có một mình anh Khiết đứng tên nên không thể xác định đây là tài sản chung. Hơn nữa chị Hân cũng không có văn bản nào ủy quyền cho anh Khiết đại diện đứng tên. Do đó yêu cầu chia đôi tài sản là không có cơ sở, nên đề nghị không chấp nhận.

Phần đất tại Sóc Trăng, theo chứng cứ trong hồ sơ và trình bày của đương sự thì phần đất này chưa thanh toán xong tiền cho Công ty Cửu Long và cũng chưa có giấy tờ xác định ai là người đứng tên chủ quyền. Nên đề nghị tách ra không giải quyết, khi nào xác định được ai đứng tên chủ sử dụng thì sẽ giải quyết sau và đề nghị đình chỉ các yêu cầu mà nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã rút lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp *"Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ri có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

Nguyên đơn yêu cầu xác minh tài sản của ông Dũng giai đoạn 2010 – 2015 (trong thời gian ông Dũng giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hậu Giang và Bí thư Huyện ủy Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang).

Tòa án đã trả lời cho đương sự (tại Công văn số 485/CV.TA ngày 02/5/2019) và không chấp nhận yêu cầu này; bởi vì chứng cứ mà nguyên đơn yêu cầu thu thập là không cần thiết và không liên quan đến vụ án, theo như quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dũng, bà Ri đã rút lại yêu cầu độc lập, căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu trên.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn vắng mặt, đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt Luật sư, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[a]. *Về tình trạng hôn nhân và về con chung:*

Giữa hai đương sự Hân – Khiết đã thuận tình ly hôn (Theo Quyết định số 59/2016/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang); về con chung chị Hân được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Nay yêu cầu anh Khiết cấp dưỡng nuôi con; anh Khiết thì yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã tự giải quyết và thống giao con (cháu Bùi Hữu An) cho anh Khiết nuôi (đã thực hiện xong). Vì vậy, nguyên đơn, bị đơn đã rút lại yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết và đình chỉ đối với các yêu cầu này.

[b]. *Về tài sản tranh chấp:*

Nguyên đơn cho rằng: Nhà, đất và các tài sản trên đất *(tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)* và phần đất 189 m^2 *(tại lô: Ơ –SL-03-02 đường D1, thuộc Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)* là tài sản chung của vợ chồng, nên yêu cầu chia đôi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.*

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng".

Tại khoản 1 Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác".*

Như vậy, theo các giấy tờ thể hiện thì nhà, đất và các tài sản trên đất tại số 410X/5 và 189 m^2 đất tại Sóc Trăng chỉ do một mình anh Bùi Thanh Khiết đứng tên quyền sở hữu và sử dụng, nên xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Theo quy định trên, thì tài sản chung là bất động sản (nhà, đất) khi đăng ký giấy chứng nhận quyền sở hữu và giấy chứng nhận quyền sử dụng thì phải ghi tên cả hai vợ chồng (trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác).

Song, ở đây nguyên đơn không có văn bản nào thể hiện để chứng minh các tài sản trên đã ủy quyền cho anh Khiết đại diện đứng tên.

Ông Nguyễn Hoàng Minh và ông Lê Tuấn xác nhận: Phần đất tại số 410X/5 là do ông Dũng mua với giá 1 tỉ 900 triệu đồng và xây nhà (thể hiện tại

Bản tường trình ngày 20/02/2019, Bản tường trình ngày 21/5/2019 và Biên bản làm việc ngày 03/6/2019). Xác nhận này đúng với nội dung tại Biên nhận tiền ngày 04/9/2011, giao dịch mua bán đất giữa ông Dũng với ông Minh. Nên giá trị về mặt chứng cứ đúng với quy định tại Điều 93, 94 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua đó cho thấy, tài sản trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Dũng, bà Ri.

Mặt khác, nếu như anh Khiết được cha mẹ cho tài sản, thì xác định đây là tài sản riêng được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân và được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Điều đó đã được thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng; tất cả các giấy tờ đều được đăng ký đứng tên cá nhân anh Khiết. Trong đơn phản tố của mình anh Khiết cũng đã trình bày việc anh đứng tên chủ quyền nhà, đất là chỉ tạm thời đứng tên dùm cha mẹ. Nên đây không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, cũng không có văn bản nào thể hiện anh Khiết ký tên sát nhập vào tài sản chung của vợ chồng và ông Dũng, bà Ri cũng không có ký bất kỳ văn bản nào tặng cho Hân – Khiết tài sản trên. Nguyên đơn cũng không có giấy tờ gì chứng minh đã ủy quyền cho bị đơn đại diện đứng tên tài sản chung của vợ chồng.

Về phần đất 189 m^2 tại Sóc Trăng, nguyên đơn cũng không có giấy tờ gì thể hiện ủy quyền cho bị đơn thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty Cửu Long. Hơn nữa, tài sản này cũng chưa khẳng định ai là người đứng tên chủ quyền. Như ông Dũng trình bày, ông đưa tiền cho Khiết mua và đại diện ký hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Cửu Long (anh Khiết thừa nhận việc này), nên nguyên đơn yêu cầu chia tài sản nay cũng không phù hợp.

Bên cạnh đó, nguyên đơn có đứng tên 03 quyền sử dụng đất tại thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang với tổng diện tích là 14.039,4 m^2. Khối tài sản này cũng có được trong thời kỳ hôn nhân, nhưng bị đơn không đặt vấn đề chia vì đây là tài sản riêng của Ngọc Hân.

Theo quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì trong thời kỳ hôn nhân vợ hoặc chồng vẫn có quyền có tài sản riêng hoặc có tài sản được tặng cho riêng.

Từ những phân tích trên, việc nguyên đơn yêu cầu chia tài sản trên là không thỏa đáng.

Ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, bị đơn và người liên quan đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn về việc chia đôi tài sản tại số 410X/5 và Kiểm sát viên đề nghị tách phần đất 189 m^2 tại Sóc Trăng ra không giải quyết, khi nào xác định ai là người đứng tên chủ quyền tài sản thì sẽ giải quyết sau.

Xét đề nghị trên là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Giá trị tài sản tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là 8.107.000.000 đồng/2 = 4.053.500.000 đồng.

Yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận (và nguyên đơn có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn, nhưng không thuộc trường hợp được giảm), nên phải chịu án phí là 112.053.500 đồng.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 9.000.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Cần Thơ) – theo Biên lai thu số 002661 ngày 02/8/2016) và 6.800.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Sóc Trăng) - theo Biên lai thu số 003253 ngày 23/12/2016). Tổng cộng là 15.800.000 đồng, lẽ ra phải trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng nhưng số tiền trên được trừ vào án phí.

Nguyên đơn còn phải nộp số tiền án phí là 96.253.500 đồng.

[5]. Về tạm ứng án phí:

Bị đơn đã nộp 200.000 đồng (Biên lai thu số 002833 ngày 21/9/2016), sẽ được nhận lại số tiền này.

Ông Dũng, bà Ri được nhận lại 10.000.000 đồng (Biên lai thu số 008036 ngày 31/5/2019).

[6]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu tất cả các chi phí thẩm định, định giá tổng cộng là 34.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 93, Điều 94, Điều 227, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị định 136/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản nhà, đất và các tài sản trên đất *(tại số 410X/5 đường B4, khu dân cư 91B, khu vực 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)*; tách phần đất diện tích 189 m^2 *(tại lô Ơ –SL-03-02 đường D1, thuộc Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)* ra không giải quyết, khi nào xác định ai là người đứng tên chủ quyền tài sản thì sẽ giải quyết sau (nếu đương sự có yêu cầu);

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn;

Đình chỉ yêu cầu độc của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dũng, bà Ri;

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con;

Đình chỉ yêu cầu của bị đơn về nuôi con sau khi ly hôn.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn phải nộp 112.053.500 đồng.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 9.000.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Cần Thơ) – theo Biên lai thu số 002661 ngày 02/8/2016) và 6.800.000 đồng (đối với yêu cầu chia tài sản tại Sóc Trăng) - theo Biên lai thu số 003253 ngày 23/12/2016). Tổng cộng là 15.800.000 đồng, lẽ ra phải trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng nhưng số tiền trên được trừ vào án phí.

Nguyên đơn còn phải nộp số tiền án phí là 96.253.500 đồng.

Về tạm ứng án phí:

Bị đơn đã nộp 200.000 đồng (Biên lai thu số 002833 ngày 21/9/2016), sẽ được nhận lại số tiền này.

Ông Dũng, bà Ri được nhận lại 10.000.000 đồng (Biên lai thu số 008036 ngày 31/5/2019).

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Áp dụng Điều 158, 161, 162, 163, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chịu các chi phí thẩm định, định giá tổng cộng là 34.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Ny Hồ Thị Kim Luyến Nguyễn Hồng Quân

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ
- VKSND quận Ninh Kiều
- THADS quận Ninh Kiều
- Đương sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quân